

Số: 101/2024/QĐST- HNGĐ

Hạ Long, ngày 17 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA  
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 74/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Ngô Mai C**, sinh năm 1993 và anh **Trần Trung H**, sinh năm 1993.

Cùng nơi cư trú: **tổ F, khu G, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Mai C** và anh **Trần Trung H** tự nguyện kết hôn, đăng ký đăng ký tại **Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** vào ngày 19/8/2015. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng, có thời gian tìm hiểu khoảng 03, 04 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 10/7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tuy mâu thuẫn vợ chồng đã được anh chị cố gắng hàn gắn, khắc phục, đồng thời gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả.

Đến nay chị **C**, anh **H** thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh, chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị **Ngô Mai C** và anh **Trần Trung H** có 02 con chung **Trần Bảo M**, sinh ngày 23/8/2015 và **Trần Bảo L**, sinh ngày 02/01/2020.

Chị **Ngô Mai C** và anh **Trần Trung H** thống nhất: anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Bảo M**, chị **C** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Bảo L** đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **C**, anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Ngô Mai C** và anh **Trần Trung H** không có tài sản chung; anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn của chị **Ngô Mai C** và anh **Trần Trung H**.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự lập ngày 09 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Mai C** và anh **Trần Trung Hiếu** thuận t ly hôn.
- Về con chung: Anh **Trần Trung H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Bảo M**, sinh ngày 23/8/2015, chị **Ngô Mai C** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Bảo L**, sinh ngày 02/01/2020 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **C**, anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **C**, anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Ngô Mai C** và anh **Trần Trung H** không có về tài sản chung; anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí: Chị **Ngô Mai C** và anh **Trần Trung H** thống nhất chị **C** nộp toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000640 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Chị **C** đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, Chi cục THADS Tp Hạ Long;
- UBND phường Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh (cơ quan đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thu**